QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

SƠ ĐỒ PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TỔNG HỢP CÁC NHÀ MÁY NƯỚC TẬP TRUNG TỈNH ĐỒNG NAI

Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô (số làn)	Phân kỳ đầu tư: Trước 2030	Sau 2030	Ghi chú
ĐT.761	ĐT.767	Km37+300	37,30	2			Bàn giao Ban quản l bảo tồn Thiên nhiên hóa Đồng Nai và U huyện Vĩnh Cửu kh tư vấn tuyến đường Mỹ Thị An
ĐT.762	Km6+900, Quốc lộ 20	Đường Nguyễn Tất Thành	20,50	4-6	x		Trùng QL.56B kho 10,2km
ĐT.763	Quốc lộ 1	Quốc lộ 20	29,40	4-6		x	
ĐT.764	Quốc lộ 56 tại Km16+100	Ranh Bà Rịa-Vũng Tàu	18,70	4-6	x	x	
ĐT.765	Quốc lộ 1 tại Km1890+900	Ranh Bà Rịa-Vũng Tàu	28,30	4-6	x	x	
ĐT.766	Quốc lộ 1 xã Xuân Hiệp	Cầu Gia Huynh	12,8	4-6	x	x	
ĐT.767	Km1815+300 Quốc lộ 1	ĐT.761 (xã Mỹ Hà)	26,12	4-6	x	x	
ĐT.768	đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 1K)	ĐT.767 (bỏ sang nhánh bờ Hương lộ 7 đến đường ĐT.768C)	42,04	6-8	x	x	
ĐT.769	Km1833+000 Quốc lộ 1, thị trấn Dầu Giây	Quốc lộ 51B	30,8	6-8	x		Đối với đoạn từ n trung Bình An đến đ Đài 3 – Nông trường Thanh hiện hữu sẽ c chuyển UBND Da Long Thành quản l khi tuyến đầu tư đư sử dụng đoạn mới t
ĐT.769B	Phà Cát Lái	Quốc lộ 51A	29,40	8-12		x	
ĐT.769C (25B)	Km23+900 Quốc lộ 51	đường Quách Thị Trang	14,90	8-12	x		
ĐT.770 (Quốc Tre-Trảng Lớn)	Km8823+800 Quốc lộ 1	Quốc lộ 20	11,30	4-6	x	x	Trùng QL.56B
ĐT.771 (Quốc Hòa-Long Thành-Nhơn Trạch)	Phường Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa	ĐT.771C Đường kết nối vào cảng Phước An	32	6-8	x	x	
ĐT.332B	ĐT.761	ĐT.761	2,6	2	chuyển giao cho địa phương quản lý		
ĐT.772 (Trảng Bom-Xuân Lộc)	ĐT.766, huyện Xuân Lộc	ĐT.767, huyện Trảng Bom	53,26	4-6	x	x	Đoạn hiện hữu từ Đ huyện Xuân Lộc đi Bàu Quang, thành Long Khánh chuyể UBND huyện quản khi đầu tư cụm tuy
ĐT.773 (Long Thành-Cẩm Mỹ-Xuân Lộc)	Quốc lộ 1, huyện Xuân Lộc	ĐT.769 (xã Bình An)	55,95	6-8	x		
ĐT.774 (ĐT.301/1)	Quốc lộ 20, huyện Tân Phú	Ranh tỉnh Bình Thuận	4,70	2-4	chuyển giao cho địa phương quản lý		
ĐT.774B (Tà Lài-Trà Cú)	ĐT.775	QL.20	54,00	2-4	x		
ĐT.775 (ĐT.Cao Cang)	Quốc lộ 20	Ranh tỉnh Bình Thuận	13,10	4-6	chuyển giao cho địa phương quản lý		
ĐT.776 (ĐT.Xuân Bắc-Thanh Sơn)	ĐT.763, huyện Xuân Lộc	ĐT.761, huyện Vĩnh Cửu	48,30	2-4	x	x	
ĐT.777 Chữ Thập Rắc	Quốc lộ 1, huyện Trảng Bom	Quốc lộ 51	19,07	6-8	x	x	
ĐT.767C (đường Đồng Khởi)	Quốc lộ 1 tại ngã tư Amata	ĐT.768	8,60	4-6	Chuyển về địa phương quản lý sau khi hết hạn BOT		
ĐT.767D (đường vào Nhà máy nước Thiện Tín)	Quốc lộ 1	ĐT.768	6,30	2-4	x		Quy hoạch chuyển cho địa phương sau k thời hạn khai thác t hình thức BOT
ĐT.780 (Sông Nhạn - Dầu Giây)	giao ĐT.773 (đường đi 10 hiện hữu)	ĐT.769	16,40	4-6		x	
ĐT.765B (Xóm Tình-Lâm Sơn)	Quốc lộ 1 (XÃ Xuân Tình, huyện Xuân Lộc)	ĐT.765 (Xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ)	27,90	2-4	x	x	
ĐT.771D (đường Lộ 2)	ĐT.771	đường liên cảng huyện Nhơn Trạch	40	6-8	x	x	
ĐT.769D (25C)	Sân bay Long Thành	ĐT.769G (đường liên cảng Nhơn Trạch)	26,10	8-12	x		tuyến đi trùng với Q
ĐT.768B	Cầu Thanh Hà 2	Đường ĐT.768 (thị trấn Vĩnh An)	27,20	4-8	x	x	
ĐT.778 (Đắc Sơn-Long Thành)	Quốc lộ 1 (Km1854+200)	ĐT. 773B	30,99	4-8	x	x	
ĐT.779 (Xuân Tâm - Xuân Đông)	giao Quốc lộ 1 (Cù Xuân Tâm-huyện Xuân Lộc)	giao ĐT.765 (Xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ)	10,80	2-4	chuyển giao cho địa phương quản lý		
ĐT.765E	Sân bay Long Thành	ĐT.770B	8,13	8-12	x		tuyến đi trùng với Q
ĐT.778B	đường ĐT.773B (HL.2)	ĐT.765 (nút Bàu Hàm	36,60	4-6		x	
ĐT.762B	ĐT.764, huyện Cẩm Mỹ	QL.20, H. Thống Nhất	40	2-6		x	
ĐT.770B	ĐT.763	cảng Phước An (ĐT.771C)	60,24	4-8	x		
ĐT.772B	từ Quốc lộ 55 huyện Long Thành	Đường Dọc Sông Ray huyện Cẩm Mỹ	45,72	4-6		x	
ĐT.777B	Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu	cầu Đồng Nai 2	6,50	6-8	x	x	
ĐT.780B	ĐT.774B (Tà Lài-Trà Cổ), huyện Tân Phú	ĐT.780, huyện Cẩm Mỹ	88,20	4-6		x	
ĐT.771F	Quốc lộ 1 đoạn tránh TP. Biên Hòa (VQ Nguyễn Giáp)	ĐT.770B	45,0	4-6		x	
ĐT.769Q (Đường Liên Cảng Nhơn Trạch)	cao tốc Bến Lức - Long Thành	khu vực xã Đại Phước	23,6	4-8	x	x	
ĐT.771E (đường Vành đai 3 nối dài)	Cao tốc Long Thành-Bến Lức	Đường vào	2,3	4-8	x		chuyển giao cho phương quản l
ĐT.771C (đường kết nối vào cảng Phước An)	ĐT.771	Cảng Phước An	9,9	6-8	x		
ĐT.769F (đường nối Quốc 2-Nhơn Trạch)	Cao tốc Long Thành-Bến Lức	Xã Phú Hữu, Nhơn Trạch (đường Đồng Nai)	8,50	8-10	x	x	chuyển giao cho phương quản l
ĐT.777C (đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng)	Quốc lộ 51	Quốc lộ 1 đoạn tránh TP. Biên Hòa (VQ Nguyễn Giáp)	7,37	2-4			Mặt đoạn trùng ĐT. Chuyển giao cho hạn hợp đồng BOT đoạn còn lại
ĐT.768C (đường vành đai TP. Biên Hòa)	ĐT.767	Cầu Bạch Đằng	17,62	6-8	x	x	
ĐT.771D (đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải)	Cầu Phước An	ĐT.771C	1,64	6-8	x		Trùng đường bộ Ven
ĐT.766B (Đường Nguyễn Du)	Nguyễn Ái Quốc	ĐT.768	2,4	6-8	x		
ĐT.766C	Đường Nguyễn Du	Ranh Bình Dương	5,0	6	x	x	

TỔNG HỢP CÁC KHU XỬ LÝ CTR TẬP TRUNG

TT	Khu xử lý	Địa điểm	Phạm vi hoạt động	Diện tích (ha)	Nội dung
1	KXL Quang Trung	Huyện Thống Nhất	Liên huyện	130	Hiện hữu: Đầu tư hoàn thiện, đồng bộ - cải tạo nâng cấp, chuyển đổi công nghệ
2	KXL Dầu Cát	Huyện Long Thành	Liên huyện	104,81	Hiện hữu: Đầu tư mở rộng, nâng cấp, chuyển đổi công nghệ
3	KXL Vĩnh Tân	Huyện Vĩnh Cửu	Liên huyện	81	Hiện hữu: Đầu tư xây dựng mới - cải tạo nâng cấp, chuyển đổi công nghệ
4	KXL Tre Trang	Huyện Định Quán	Liên huyện	10	Hiện hữu: Đầu tư mới là xử nâng cấp, chuyển đổi công nghệ
5	KXL Xuân Tâm	Huyện Xuân Lộc	Huyện hoặc liên huyện	20	Hiện hữu: Đầu tư mới là xử nâng cấp, chuyển đổi công nghệ
6	KXL Thiện Phước	Huyện Cẩm Mỹ	Huyện hoặc liên huyện	20	Hiện hữu: Đầu tư mới là xử nâng cấp, chuyển đổi công nghệ
7	KXL Tây Hòa	Huyện Trảng Bom	Huyện hoặc liên huyện	20,3	Hiện hữu: Đầu tư mới là xử nâng cấp, chuyển đổi công nghệ
8	KXL nguy hại, xử lý chất thải nhiễm khuẩn từ y tế	Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	Liên tỉnh	50	Hiện hữu: Đầu tư mới là xử nâng cấp, chuyển đổi công nghệ

Ghi chú: Hiện trạng, giữ nguyên chức năng; mở rộng, nâng cấp; xây dựng mới; chuyển đổi, đa dạng hóa hình thức, quy mô phù hợp với từng giai đoạn cụ thể trong từng giai đoạn quy hoạch; đảm bảo hiệu quả đầu tư, bảo vệ môi trường và phù hợp với khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ.

TỔNG HỢP CÁC NGHĨA TRANG TẬP TRUNG

TT	Nghĩa trang tập trung	Địa điểm	Quy Mô (ha)
1	Nghĩa trang tập trung TP. Biên Hòa	Hương Long Bình, Biên Hòa	35
2	Nghĩa trang tập trung TP. Long Khánh	Xã Bảo Quang, Long Khánh	70
3	Nghĩa trang tập trung Tân Phú	Xã Thanh Sơn, Xã Phú An, Tân Phú	50
4	Nghĩa trang tập trung Định An	Xã Long Giao, Long Thành	50
5	Nghĩa trang tập trung Long Đức	Xã Long Đức, Long Thành	79,04
6	Nghĩa trang tập trung Long Thọ	Xã Long Thọ, Nhơn Trạch	28,77
7	Nghĩa trang tập trung Vĩnh Thanh	Xã Vĩnh Thanh, Nhơn Trạch	21,91
8	Nghĩa trang tập trung huyện Trảng Bom	Xã Hưng Thịnh, Trảng Bom	50
9	Nghĩa trang tập trung huyện Thống Nhất	Xã Gia Tân, Trảng Bom, Thống Nhất	42
10	Nghĩa trang nhân dân và Xuân Thiện huyện Thống Nhất	Xã Xuân Thiện	21,7 giai đoạn đến 2030 và 22 giai đoạn đến sau 2030
11	Nghĩa trang nhân dân xã Bàu Hàm huyện Thống Nhất	Xã Xuân Thiện	22 giai đoạn đến hiện sau 2030
12	Nghĩa trang tập trung Xuân Hưng	Xã Xuân Hưng, Cẩm Mỹ	15
13	Nghĩa trang tập trung Xuân Mỹ	Xã Xuân Mỹ, Cẩm Mỹ	20
14	Nghĩa trang tập trung Phú Thanh	Xã Phú Thanh, Tân Phú	10
15	Nghĩa trang tập trung Vĩnh Hằng	Xã Thạnh An, Vĩnh Cửu	212
16	Nghĩa trang tập trung huyện Định Quán	Xã Phú Vinh, Định Quán	16
17	Nghĩa trang tập trung Tân Trung	Xã Tân Trung, Định Quán	14
18	Nghĩa trang tập trung huyện Xuân Lộc	Xã Xuân Tâm, Xuân Lộc	23,1
	Tổng		787,87

TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC

TT	Tên công trình	Địa điểm	Quy mô công suất	Ghi chú
1	Nhà máy xử lý nước thải Sông Mây	Xã Bình Lộc, Thị xã Long Khánh	100.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
2	Nhà máy xử lý nước thải Bình Lộc	Xã Bình Lộc, Thị xã Long Khánh	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
3	Nhà máy xử lý nước thải Suối Cát	Xã Suối Cát, Xuân Lộc	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
4	Nhà máy xử lý nước thải Xuân Lộc	Thị trấn Xuân Lộc, Xuân Lộc	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
5	Nhà máy xử lý nước thải Hố Nai	Xã Hố Nai 3, Trảng Bom	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
6	Nhà máy xử lý nước thải Dầu Giây	Xã Dầu Giây, Thống Nhất	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
7	Nhà máy xử lý nước thải Gia Kiệm	Xã Gia Kiệm, Thống Nhất	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
8	Nhà máy xử lý nước thải Thống Nhất	Xã Gia Tân 3, Thống Nhất	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
9	Nhà máy xử lý nước thải Long Thành	Xã Long Thọ, Nhơn Trạch	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
10	Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Trạch	Xã Phú Hữu, Nhơn Trạch	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
11	Nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Cửu	Xã Thạnh Phú, Vĩnh Cửu	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
12	Nhà máy xử lý nước thải Tân Phú	Xã Phú An, Tân Phú	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
13	Nhà máy xử lý nước thải Định Quán	Xã Phú Vinh, Định Quán	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
14	Nhà máy xử lý nước thải Trảng Bom	Xã Hưng Thịnh, Trảng Bom	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
15	Nhà máy xử lý nước thải Cẩm Mỹ	Xã Xuân Mỹ, Cẩm Mỹ	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
16	Nhà máy xử lý nước thải Long Khánh	Xã Bình Lộc, Thị xã Long Khánh	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
17	Nhà máy xử lý nước thải Xuân Lộc	Thị trấn Xuân Lộc, Xuân Lộc	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
18	Nhà máy xử lý nước thải Hố Nai	Xã Hố Nai 3, Trảng Bom	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
19	Nhà máy xử lý nước thải Dầu Giây	Xã Dầu Giây, Thống Nhất	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
20	Nhà máy xử lý nước thải Gia Kiệm	Xã Gia Kiệm, Thống Nhất	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
21	Nhà máy xử lý nước thải Thống Nhất	Xã Gia Tân 3, Thống Nhất	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
22	Nhà máy xử lý nước thải Long Thành	Xã Long Thọ, Nhơn Trạch	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
23	Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Trạch	Xã Phú Hữu, Nhơn Trạch	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
24	Nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Cửu	Xã Thạnh Phú, Vĩnh Cửu	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
25	Nhà máy xử lý nước thải Tân Phú	Xã Phú An, Tân Phú	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
26	Nhà máy xử lý nước thải Định Quán	Xã Phú Vinh, Định Quán	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
27	Nhà máy xử lý nước thải Trảng Bom	Xã Hưng Thịnh, Trảng Bom	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
28	Nhà máy xử lý nước thải Cẩm Mỹ	Xã Xuân Mỹ, Cẩm Mỹ	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
29	Nhà máy xử lý nước thải Long Khánh	Xã Bình Lộc, Thị xã Long Khánh	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030
30	Nhà máy xử lý nước thải Xuân Lộc	Thị trấn Xuân Lộc, Xuân Lộc	50.000 m3/ngày đêm	Giai đoạn 2021-2030

Danh mục các nguồn điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Dự án	Công suất đặt, MW	Địa điểm	Thời vận hành	Ghi chú
A	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN				
1	NMĐ Sông Mây 1	1.424	H. Thống Nhất	2016-2025	Trung lâu dài
B	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN				
I.	Thủy điện lớn	360			Giữ nguyên quy hoạch
1	Thủ Tạ An Mỹ	210	H. Vĩnh Cửu	2025	Đang triển khai
2	Thủ Thanh Sơn	40	H. Định Quán	2030	Tổng đầu tư 1.000 tỷ đồng
II.	Thủy điện vừa và nhỏ	44			
1	Nhà máy thủy điện Thủ Thừa 1	22	H. Thủ Thừa, H. Định Quán	2025-2030	Dùng nguồn của dự án thủy điện Thủ Thừa
2	Nhà máy thủy điện Thủ Thừa 2	22	H. Định Quán, H. Vĩnh Cửu	2025-2035	
C	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO				
I	Điện mặt trời				
II	Cụm điện mặt trời trong khu công nghiệp, đô thị và Nhà máy điện mặt trời áp mái				
1	Nhà máy điện mặt trời Trảng Bom 1	20,0	H. Vĩnh Cửu	2025-2030	Quy hoạch ĐMTTQG
2	Nhà máy điện mặt trời Trảng Bom 2	20,0	H. Long Thành	2025-2030	Quy hoạch ĐMTTQG
3	Nhà máy điện mặt trời Định Quán	10,5	H. Định Quán	2025-2030	Quy hoạch ĐMTTQG
4	Nhà máy điện mặt trời Long Thành	5,3	H. Thống Nhất	2025-2030	Quy hoạch ĐMTTQG
5	Nhà máy điện mặt trời Long Thành	60,0	H. Vĩnh Cửu	2025-2030	Quy hoạch ĐMTTQG
III	Điện gió				
1	Nhà máy điện gió Trảng Bom	30,0	H. Vĩnh Cửu	2025-2030	
2	Nhà máy điện gió trên đảo hoặc bờ biển Vĩnh Cửu, Định Quán, Trảng Bom - giai đoạn 2	30,0	H. Long Thành	2025-2030	Tổng hợp quy hoạch điện lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030
3	Nhà máy điện gió Long Thành - Thạnh Phú	30,0	H. Long Thành	2025-2030	Tổng nguồn hỗ trợ cho khu kinh tế Cái Mép - Thị Vải
4	Nhà máy điện gió Xuân Lộc	9,3	H. Định Quán	2025-2030	
5	Nhà máy điện gió Định Quán	30,0	H. Long Thành	2025-2030	
IV	Điện sinh khối	45,5			
V	Điện từ rác thải sinh hoạt				
1	Nhà máy điện rác thải Long Thành	15	TP. Biên Hòa	2025-2030	Quy hoạch QHTĐVII
III	Điện mặt trời	1.259		2030-2050	
1	Điện mặt trời bổ sung	100	H. Định Quán, H. Vĩnh Cửu	2030-2050	Quy hoạch QHTĐVII

Các đường dây 500kV và 220kV trên địa bàn tỉnh Đồng Nai xây mới và cải tạo giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Tên tiếng việt	Chiều dài (km)		Ghi chú
		Cải tạo	Xây mới	
I.	TBA 500kV		1.815	
a	Long Thành 1		1.815	
II.	Đường dây 500kV		1.815	
a	Đường dây 500kV Long Thành 1 - Vĩnh Tân 4 mở rộng		1.815	Dự trung cho đường truyền tải từ tỉnh sau này
III.	TBA 220kV	750	4.000	3.050 TBA mở rộng, thêm MBA
1	An Phước	250		
2	Tam Phước	250	500	Đã xây xong, giai đoạn 2021-2030 là 1 MBA mới 1.250MVA (2x500MVA)
3	Thị Vải 500kV		500	
4	EGP Hiệp Phước		500	
5	Định Quán		500	Đã xây xong, giai đoạn 2021-2030 là 1 MBA mới 1.250MVA (2x500MVA)
6	Long Khánh		500	
7	Hà Tiên		500	
8	Đức Hòa		500	
9	Thị Trấn An	500		Nâng cấp: 2x250MVA = 2x500MVA (từ 2x125MVA)

TT	Tên dự án	2021-2030				Ghi chú
		XDM		CT		
		Số mạch	Số lượng	Số mạch	Chiều dài, km	
I	Đường dây 500kV		37		153	
1	Đấu nối Dự án Nhà máy Điện lực Dầu khí Long Sơn - 2 lộ Nhơn Trạch 3 - Nhơn Trạch 4	4	3			Chuyển tiếp trên mạch 3, 4 của 500kV Vĩnh Tân - Sông Mây - Tân Uyên
2	Đấu nối Dự án Nhà máy điện khí Sông Mây - 2 lộ Nhơn Trạch 3 - Nhơn Trạch 4			2	45	Treo vượng khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
3	Đấu nối Dự án Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3	2	4			Đấu lộ NMĐ Nhơn Trạch 4
4	Đường dây mạch 4 của đoạn Vĩnh Tân - Sông Mây - Long Thành - Phước Mỹ			2	92	Chỉ xây dựng khi NMĐ Sông Hậu 1 chậm tiến độ
5	Long Thành - Đất lúa Chân Đức - Đồng Nai	2	17			Treo vượng nguồn khu điện ngư huyện Vân
6	Đường dây đấu nối Dự án NMĐ Sông Hậu 1 vào Vĩnh Tân - Sông Mây			1	50	Chỉ treo khi NMĐ Sông Hậu 1 chậm tiến độ
7	Đấu nối TBA 500kV Phú Mỹ 3 mở rộng	4	1			Đấu nối TBA 500kV Bắc Châu Đức
8	Long Thành - Bắc Châu Đức - Sông Mây	4	15			Đấu nối TBA 500kV Bắc Châu Đức
9	Long Thành - Bắc Châu Đức - Sông Mây	2	15			Đã xây dựng

Các đường dây 500kV và 220kV trên địa bàn tỉnh Đồng Nai xây mới và cải tạo giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

TT	Đường dây 220kV	2021-2030		2031-2050	
		Cải tạo	Xây mới	Cải tạo	Xây mới
1	220 kV Long Thành - Tân Cang	2	10		
2	220 kV Bến Lức - Long Thành	2	14		
3	220 kV Long Thành - Xuyên Mộc	4	10		
4	220 kV Long Thành 1 - Long Thành 2	4	12		
5	Long Thành - Bà Rịa - Long Sơn	4	1		
6	500/220 kV Dầu Giây - Gia Lai	2	35		Đi song song với đường dây 500kV Dầu Giây - Tân Uyên - Pleiku, đã có hướng tuyến, chỉ cần xây dựng thêm 2 mạch
7	500/220 kV Long Thành - Long Thành	4	4		Đi song song với đường dây 500kV Long Thành - Dầu Giây, đã có hướng tuyến, chỉ cần xây dựng thêm 4 mạch
8	220 kV Nhơn Trạch - 500 kV Nhơn Trạch - 500 kV Long Thành	4	3		Đấu nối vào trạm 500 kV Nhơn Trạch. Trong khi chờ trạm 500 kV Nhơn Trạch 3 hoàn tất đưa vào vận hành, đấu nối tạm vào 500 kV Nhơn Trạch - Long Thành.
9	Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - Nhơn Trạch			1	14	Chỉ xây dựng khi NMĐ Nhơn Trạch 3 chậm tiến độ
10	Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - Long Thành			1	25	Chỉ xây dựng khi NMĐ Nhơn Trạch 3 chậm tiến độ
11	Đường dây 220 kV Long Thành - Bà Rịa	4	2		
12	Đấu nối trạm 220 kV Phú Mỹ 3	2	1		Đồng bộ với Đấu nối trạm 500kV
13	Đấu nối trạm 220 kV Long Thành 2	4	1		
14	Đấu nối trạm 220 kV Long Thành 3	2	10		
15	Đấu nối trạm 220 kV Long Thành	2	12		
16	Đấu nối trạm 220 kV Nhơn Trạch 4	2	55		Đấu nối trạm 500kV Nhơn Trạch 4
17	Đường dây trạm 220 kV Long Thành - An Phước - Long Thành			2	84	Chỉ xây dựng khi cần thiết
18	Đường dây trạm 220 kV Long Thành - 220 kV Long Thành			2	89	Chỉ xây dựng khi cần thiết
19	Đấu nối trạm 220 kV Long Thành			1	2	Cải tạo treo thêm 1 mạch, nâng tổng mạch 2 lên 3 mạch, dự đồng bộ, 2,2 km
20	Đấu nối trạm 220 kV Long Thành	4	1			Đã xây dựng
21	Nhánh 2 đấu LNG - Long Thành			2	118	Đã xây dựng, 2,2 km

Ghi chú: Các vị trí công trình đầu mối, giao thông dự kiến xây dựng mới sẽ được chính xác hóa ở giai đoạn lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, lập dự án đầu tư..... Đối với danh mục các trạm, đường dây điện 110KV theo đúng danh mục dự án đúng theo tại Quyết định phê duyệt số 586/QĐ-TTg ngày 03/07/2024

KÍ HIỆU

- ĐƯỜNG DÂY TBA 500KV HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG DÂY TBA 500KV QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG DÂY TBA 220KV HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG DÂY TBA 220KV QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG DÂY TBA 110KV HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG DÂY TBA 110KV QUY HOẠCH
- NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HIỆN TRẠNG
- NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN QUY HOẠCH
- NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN HIỆN TRẠNG
- NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN QUY HOẠCH
- NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN KHÍ QUY HOẠCH
- NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN KHÍ
- CAO TỐC (HIỆN TRẠNG -QUY HOẠCH)
- QUỐC LỘ (HIỆN TRẠNG -QUY HOẠCH)
- TỈNH LỘ (HIỆN TRẠNG -QUY HOẠCH)
- ĐƯỜNG SẮT (QUỐC GIA-ĐÔ THỊ)
- CẢNG HÀNG KHÔNG - SÂN BAY
- KHU BẾN CẢNG BIỂN
- CẢNG CẠN
- TRUNG TÂM LOGICSTICS
- CẦU
- NHÀ MÁY CẤP NƯỚC
- TRẠM CẤP NƯỚC
- KHU NGHĨA TRANG TẬP TRUNG
- KHU XỬ LÝ CTR TẬP TRNG
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TUYẾN ĐƯỜNG ĐT.761

CẦU MÃ ĐÀ

TỈNH BÌNH PHƯỚC

TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN

TỈNH BÌNH DƯƠNG

TỈNH BÌNH THUẬN

TP HỒ CHÍ MINH

TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

ĐI BÌNH THUẬN VÀ CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Tên quy hoạch: QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Tên sơ đồ, bản đồ: SƠ ĐỒ PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo quyết định phê duyệt số 2336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2025)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI	SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI
Đồng Nai, ngày 8 tháng 8 năm 2025 CHỦ TỊCH	Đồng Nai, ngày 30 tháng 7 năm 2025 PHÓ GIÁM ĐỐC	Đồng Nai, ngày 30 tháng 7 năm 2025 GIÁM ĐỐC
Võ Tấn Đức	Nguyễn Đức Thành	Nguyễn Anh Tuấn

Hệ tọa độ: VN-2000

Nguồn tài liệu:.....

Bản đồ được thành lập bằng công nghệ bản đồ số, hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107 45', múi chiếu 3

TỶ LỆ 1 : 100 000